

Số: 74 /2024/QĐST-HNGĐ

A Lưới, ngày 18 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A LƯỚI, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Kân Thị D, sinh năm: 1995; địa chỉ: thôn A, xã T, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Ông Hồ Văn Hải T, sinh năm: 1993; địa chỉ: thôn A, xã T, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D: Bà Trần Thị Hồng M - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Đặng Bá Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự và căn cứ vào kết quả hòa giải ngày 08 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện A Lưới nhận định.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kân Thị D và ông Hồ Văn Hải T đăng ký kết hôn ngày 07/8/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên có lời qua tiếng lại, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, tình

cảm không còn. Bà D và ông T yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn.

Thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa bà D và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Kân Thị D và ông Hồ Văn Hải T.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên là:

+ Hồ Hải D1, sinh ngày 28/6/2013

+ Hồ Chí K, sinh ngày 22/6/2019.

Khi ly hôn, hai bên thoả thuận giao các cháu Hải D1 và Chí K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Hải D1 và Chí K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà D không đóng tiền cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về lệ phí Toà án: Hai bên thoả thuận ông T chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên hoà giải ngày 08 tháng 11 năm 2024, hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, thoả thuận với nhau về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và về lệ phí. Việc thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kân Thị D và ông Hồ Văn Hải T đồng ý thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là:

+ Hồ Hải D1, sinh ngày 28/6/2013

+ Hồ Chí K, sinh ngày 22/6/2019.

Hai bên thoả thuận giao các cháu Hải D1 và Chí K cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Hải D1 và Chí K trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà D không đóng tiền cấp dưỡng nuôi các con cho ông T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận ông T chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0002603 ngày 25/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới. Ông T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- VKSND huyện A Lưới;
- UBND thị trấn A Lưới;
- (ĐKKH ngày 07/8/2013);
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS A Lưới;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vĩnh